

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Quý 02 Năm 2023

Đơn vị tính: Đồng

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu quý
I	2	3	4	5
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		231,820,112,151	408,185,036,520
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	18,227,594,059	182,782,331,274
1. Tiền	111		8,227,594,058	12,782,331,273
2. Các khoản tương đương tiền	112		10,000,000,001	170,000,000,001
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	140,000,000,000	155,000,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		140,000,000,000	155,000,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		71,638,112,347	68,210,554,651
1. Phải thu khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		-	27,416,250
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.03	69,954,824,907	63,036,204,810
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	1,713,287,440	5,176,933,591
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(30,000,000)	(30,000,000)
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,954,405,745	2,192,150,595
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,954,405,745	2,192,150,595
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.06	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		7,845,669,459	7,648,210,503
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.07	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.08	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2,900,409,069	1,491,757,690
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	1,352,526,069	1,491,757,690
1.1. Nguyên giá	222		4,414,093,377	4,378,303,377
1.2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3,061,567,308)	(2,886,545,687)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	-	-
2.1. Nguyên giá	225		-	-
2.2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
3.1. Nguyên giá	228		131,501,203	131,501,203
3.2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(131,501,203)	(131,501,203)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	1,547,883,000	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		4,945,260,390	6,156,452,813
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	289,397,001	430,038,769
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	3,417,507,039	4,488,057,694
3. Tài sản dài hạn khác	268		1,238,356,350	1,238,356,350
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		239,665,781,610	415,833,247,023



Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Eastspring Investments
Địa chỉ: Lầu 23, 37 Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Quận 1,
TP.HCM

Mẫu số B01a-CTQ

(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Quý 02 Năm 2023

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Mã số	Số cuối quý	Số đầu quý
1	3	2	4	5
1. Tài sản cố định thuê ngoài	V.23	001	-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhân giữ hộ		002	-	-
3. Tài sản nhận ký cược		003	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		004	-	-
5. Ngoại tệ các loại		005	274,563,199	141,097,755
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		006	-	-
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch		007	-	-
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		008	-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố		009	-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ		010	-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		011	-	-
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút		012	-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		013	-	-
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay		014	-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch		015	-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ		020	-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	V.24	030	6,616,595,212,773	4,846,974,559,574
8.1. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		031	6,616,595,212,773	4,846,974,559,574
8.2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		032	-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	V.25	040	138,232,697,946,597	139,447,522,646,074
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước		041	138,232,697,946,597	139,447,522,646,074
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		042	-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	V.26	050	5,791,125,195,043	5,221,018,814,712
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	V.27	051	(207,669,940,295)	-

Ngày 20 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Hoài Thu
Kế toán

Người kiểm soát
(Ký, họ tên)

Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc Công ty
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc

IG T
EM N
LÝ
ISPR
STM
P. H

Công ty quản lý quỹ Eastspring Investments
Địa chỉ: Lầu 23, 37 Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

Mẫu số B02a-CTQ
(Ban hành theo TT số 123/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
(Quý 02 Năm 2023)

Đơn vị tính: Đồng

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu	1	2	3	4	5	6	7
2. Các khoản giảm trừ doanh thu							
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	01	02	VI.28	70.435.570.602	64.737.068.151	133.931.940.258	129.107.776.947
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	10	11	VI.30	70.435.570.602	64.737.068.151	133.931.940.258	129.107.776.947
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20	21	VI.31	200.100.003	232.557.804	383.943.060	458.356.852
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	VI.32	70.235.470.599	64.504.510.347	133.547.997.198	128.649.420.095
7. Chi phí tài chính	22	23	VI.33	4.743.362.040	1.617.885.649	9.817.902.961	2.765.518.467
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	VI.34	1.932.348	10.796.478	73.019.131	74.935.341
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30	31		26.452.974.410	23.392.926.272	55.661.797.327	49.539.877.078
10. Thu nhập khác	31	32		48.523.925.881	42.718.673.246	87.631.083.701	81.800.126.143
11. Chi phí khác	32	33		-	29.081.982	-	29.081.982
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	41		-	29.081.982	-	29.081.982
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	51		48.523.925.881	42.747.755.228	87.631.083.701	81.829.208.125
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	52	VI.33	8.653.150.873	9.412.698.558	17.351.845.781	16.872.302.463
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	53	VI.34	1.070.550.655	(845.483.746)	278.266.359	(483.773.887)
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	61		38.800.224.353	34.180.540.416	70.000.971.561	65.440.679.549
17. Lãi trên cơ phiếu (*)	70	71					

Ngày 20 tháng 07 năm 2020

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Chinh

Nguyễn Thị Hoài Thu
Kế toán

Người kiểm soát
(Ký, họ tên)

Nguyen

Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng



Hồng Ngọc Thê Triệu
Tổng Giám đốc

BẢN TRUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 2 Năm 2023

- I. Đặc điểm hoạt động của công ty:**
- Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH theo Giấy phép số 03/UBCK-GPHDQLQ ngày 26/05/2005.
 - Lĩnh vực hoạt động: Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán.
 - Nghịnh nghiệp kinh doanh: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán.
 - Tổng số nhân viên: 25

- Tổng số:
- Nhân viên quản lý: 11
 - Tuyên dụng mới: 2
 - Số nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề: 12
 - Chuyên công tác: 0

5- Đặc điểm hoạt động của công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:
Công ty TNHH Quận Lý Quý Eastspring Investments ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn được cấp phép và thành lập tại Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ số 03/UBCK-GPHDQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 5 năm 2005 và sửa đổi ngày 23 tháng 7 năm 2008, ngày 20 tháng 11 năm 2008, ngày 15 tháng 4 năm 2010, ngày 9 tháng 12 năm 2011, ngày 23 tháng 3 năm 2012, ngày 26 tháng 3 năm 2013, ngày 12 tháng 8 năm 2018, Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty TNHH Mới thành viên, mã số doanh nghiệp 303827455, ngày 12 tháng 12 năm 2022 (sau đây gọi chung là "Giấy phép Quản lý Quỹ"). Theo Điều lệ Công ty, thời gian hoạt động của Công ty nhất quán với thời gian hoạt động của công ty mẹ, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam. Giấy phép Đầu tư của công ty mẹ có giá trị đến ngày 29 tháng 10 năm 2049.

- II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**
- Kỳ kế toán năm: Bắt đầu từ 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
 - Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

- III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:**
- Chế độ kế toán áp dụng: Được áp dụng theo Quy định Chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý Quỹ số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011.
 - Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Công ty cam kết tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành.
 - Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

- IV- Các chính sách kế toán áp dụng:**
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**
Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi trả ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.
Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá niêm yết tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
 - Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:**
Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai để tính thì được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình.
Tài sản cố định vô hình: Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này vi tính mới không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**
Theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi tại các ngân hàng có thời hạn trên ba tháng đến một năm. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.
- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**
Theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành.
- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**
Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.
6- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:
Mọi khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc tiềm ẩn có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền để kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phân định giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị hiện tại của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.
- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**
Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:
Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế và doanh thu có thể được tính toán một cách đáng tin cậy.

Phí quản lý, phí quản trị và phí dịch vụ giới thiệu đầu tư và phân bổ tài sản được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trong yêu cầu khai nâng thu hồi các khoản phải thu. Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lập suất áp dụng.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành.
10- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:
Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm báo gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoài trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận hàng năm vốn có sẵn, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận hàng năm vốn có sẵn.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.
Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bình căn đối tế toàn cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên chênh lệch dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hiện tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

11- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ:
Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Công ty được phép trích lập các quỹ sau:
Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức bảo hiểm hoặc cá nhân gây ra tổn thất.
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.
Công ty không được sử dụng quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để chi trả cổ tức.
Thông tư 146 đã được bãi bỏ từ ngày 1 tháng 2 năm 2022 theo Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021. Theo đó, số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ sẽ được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty. Số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ sẽ được dùng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Hội đồng thành viên theo quy định tại Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty, đảm bảo đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

		Đơn vị tính: Triệu đồng	
01- Tiền	Cuối kỳ	Đầu kỳ	
- Tiền mặt	-	-	-
- Tiền gửi Ngân hàng	18.227,59	182.782,33	-
- Tiền đang chuyển	-	-	-
Cộng	18.227,59	182.782,33	

		Số lượng	Cuối kỳ	Giá trị	Số lượng	Đầu kỳ	Giá trị
02- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn							
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn (chỉ tiết danh mục cổ phiếu bị giảm giá/rủi ro)	-	-	-	-	-	-	-
- Trái phiếu đầu tư ngắn hạn (chỉ tiết danh mục trái phiếu bị giảm giá/rủi ro)	-	-	-	-	-	-	-
- Chứng chỉ quỹ (chỉ tiết danh mục chứng chỉ quỹ bị giảm giá/rủi ro)	-	-	-	-	-	-	-
- Chứng khoán khác (chỉ tiết danh mục chứng khoán khác bị giảm giá/rủi ro)	-	-	-	-	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-	-	-	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-	140.000,00	-	-	-	155.000,00

		Cuối kỳ	Đầu kỳ
03- Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ			
- Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	240,00	240,00	-
- Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	69.539,14	62.660,34	-
- Phải thu phí thường hoạt động	175,69	135,86	-
- Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ khác	-	-	-
Cộng	69.954,82	63.036,20	

		Cuối kỳ	Đầu kỳ
04- Các khoản phải thu ngắn hạn khác			
- Phải thu tài sản thiếu chi xã lý	-	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.509,38	5.081,29	-
- Phải thu người lao động	120,00	20,00	-
- Phải thu khác	83,91	75,64	-
Cộng	1.713,29	5.176,93	

05 - Hàng tồn kho		Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Nguyên liệu, vật liệu			
- Công cụ dụng cụ			
Cộng giá gốc hàng tồn kho			
- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả:			
06 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa			
- Thuế thu nhập cá nhân			
- Các khoản khác phải thu Nhà nước:			
Cộng			
07 - Phải thu dài hạn nội bộ		Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Vốn cấp cho đơn vị cấp dưới			
- Phải thu dài hạn nội bộ khác			
Cộng			
08 - Phải thu dài hạn khác		Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn			
- Các khoản tiền nhận ủy thác			
- Phải thu dài hạn khác			
Cộng			

09 - Tổng, chênh lãi/sổ có định hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Phần mềm vi tính	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu kỳ		4.378,30				4.378,30
- Mua trong kỳ		35,79				35,79
- Đầu tư XD/CB hoàn thành						
- Tăng khác						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ		4.414,09				4.414,09
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ						
- Kịch hao trong kỳ		2.886,55				2.886,55
- Tăng khác		175,02				175,02
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ		3.061,57				3.061,57
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
- Tại ngày đầu kỳ		1.491,76				1.491,76
- Tại ngày cuối kỳ		1.352,53				1.352,53

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:
 - Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.314 triệu VND
 - Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chưa thanh lý:
 - Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:
 - Các hợp đồng khác về TSCĐ hữu hình: Mua sắm thêm 35,79 triệu đồng tài sản cố định trong Quý I/2023.

10- Bảng, gồm tài sản cố định thuê tài chính:

Khoản mục	Nhàเช่า, vật liên tục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Phần mềm vi tính	TSCĐ hữu hình khác	Tài sản cố định vô hình	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính							
Số dư đầu kỳ							
- Thuê tài chính trong kỳ							
- Mua tài TSCĐ thuê tài chính							
- Tặng khác							
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính							
- Giảm khác							
Số dư cuối kỳ							
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu kỳ							
- Hao mòn trong kỳ							
- Mua tài TSCĐ thuê tài chính							
- Tặng khác							
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính							
- Giảm khác							
Số dư cuối kỳ							
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính							
- Tại ngày đầu kỳ							
- Tại ngày cuối kỳ							

Tiền thuê phải sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong kỳ:

• Căn cứ để xác định tiền thuê phải sinh thêm:

• Dựa khoản giá hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản:

11- Bảng, gồm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Số dư đầu kỳ				131.50	131.50
- Mua trong kỳ					
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp					
- Tặng do hợp nhất kinh doanh					
- Tặng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ				131.50	131.50
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ				131.50	131.50
- Hao mòn trong kỳ					
- Tặng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ				131.50	131.50
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
- Tại ngày đầu kỳ					
- Tại ngày cuối kỳ					

* *Thuyết minh số liệu và giải trình khác:*

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 132 triệu VND

12- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tổng số chi phí XD/CB dở dang:	1.548	



19- Phải trả dài hạn nội bộ		Cuối kỳ		Đầu kỳ	
- Vay dài hạn nội bộ					
- Phải trả dài hạn nội bộ khác					
Cộng					

20- Vay và nợ dài hạn		Lãi suất vay	Số dư đầu kỳ	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
a- Vay dài hạn						
- Vay ngắn hạn (Chỉ tiết theo mục đích vay/Thời hạn vay)						
- Vay của đối tượng khác (Chỉ tiết theo mục đích vay/Thời hạn vay)						
b- Nợ dài hạn						
- Thuế tài chính						
- Nợ dài hạn khác						
Cộng						

Thời hạn		Cuối kỳ		Năm trước	
Từ 1 năm trở xuống		Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính
Trên 1 năm đến 5 năm					
Trên 5 năm					

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		3.417,51	4.488,06
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng			
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng			
- Khoản hoãn nộp từ sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước			
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		3.417,51	4.488,06
b- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế			
- Khoản hoãn nộp thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước			
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			

22- Quỹ dự phòng bất thường thiết lập cho nhà đầu tư		Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu kỳ			
- Số bổ sung cho nhà đầu tư trong kỳ (Chỉ tiết từng nhà đầu tư)			
- Số trích lập trong kỳ			
- Số dư cuối kỳ			

23- Tài sản thuế ngoài		Cuối kỳ	Đầu kỳ
(1)- Giá trị tài sản thuế ngoài			
- TSCĐ thuế ngoài			
- Tài sản khác thuế ngoài			
(2) Tổng số tiền thuế tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuế hoạt động lãi sản không hủy ngang theo các thời hạn		14.606,18	15.787,74
- Từ 1 năm trở xuống		4.826,38	4.801,35
- Trên 1 năm đến 5 năm		9.779,80	10.986,39
- Trên 5 năm			

HV

24- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác (chi tiết theo từng nhà đầu tư ủy thác)	Cuối kỳ		Đầu kỳ
- Số dư đầu kỳ	4.846.974,56		4.085.809,97
- Số tăng trong kỳ (Chi tiết theo từng nội dung tăng)	1.769.620,65		761.164,59
- Số giảm trong kỳ (Chi tiết theo từng nội dung giảm)			-
- Số dư cuối kỳ	6.616.595,21		4.846.974,56

25- Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	Cuối kỳ		Đầu kỳ
25.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước			
- Cổ phiếu niêm yết (Chi tiết cổ phiếu niêm yết bị giảm giá/rủi ro: không có)	12.343.392,90		11.792.587,97
- Cổ phiếu không niêm yết (Chi tiết cổ phiếu không niêm yết bị giảm giá/rủi ro)	-		-
- Trái phiếu (Chi tiết trái phiếu bị giảm giá/rủi ro: không có) và tiền gửi dài hạn	125.889.305,04		127.654.934,67
25.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài			
- Cổ phiếu niêm yết (Chi tiết cổ phiếu niêm yết bị giảm giá/rủi ro)	-		-
- Cổ phiếu không niêm yết (Chi tiết cổ phiếu không niêm yết bị giảm giá/rủi ro)	-		-
26. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	5.791.125,20		5.221.018,81
27. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	(207.669,94)		-

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Quý này năm nay	Đơn vị tính: Triệu đồng	Quý này năm trước
28. Tổng doanh thu hoạt động nghiệp vụ (Mã số 01)	70.435,57		64.737,07
+ Doanh thu hoạt động quản lý quỹ DTCK và công ty DTCK	720,75		803,60
+ Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư (bao gồm dịch vụ giới thiệu đầu tư, phân bổ tài sản và báo cáo hiệu suất chuyên sâu)	65.497,62		60.115,81
+ Doanh thu từ phí thường hoạt động	-		-
+ Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	175,69		24,28
+ Doanh thu khác (Quản trị quỹ)	4.041,52		3.793,38
29. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)	-		-
(Chi tiết các khoản giảm trừ DT)			
30. Chi phí hoạt động kinh doanh, phí vận hàng bán			
+ Chi phí hoạt động quản lý quỹ DTCK và công ty DTCK	200,10		232,56
+ Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	-		-
+ Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-		-
+ Chi phí hoạt động nghiệp vụ khác	-		-
+ Giá vốn hàng bán	-		-
Cộng	200,10		232,56

31. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)		
- Lợi tức gửi:	Quý này năm nay	Quý này năm trước
- Lợi tức từ tài chính	4.440,18	1.442,73
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Lợi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	303,18	175,15
- Lợi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	4.743,36	1.617,89

32. Chi phí tài chính (Mã số 22)		
- Lợi tức vay	Quý này năm nay	Quý này năm trước
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
- Lãi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	0,69	10,80
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1,24	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	-
- Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	1,93	10,80

33. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	Quý này năm nay	Quý này năm trước
	8.653,15	9.412,70
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.653,15	9.412,70

34. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	Quý này năm nay	Quý này năm trước
	1.070,55	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(845,48)
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.070,55	(845,48)

VII- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo tài chính

35. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

Đơn vị tính: Triệu Đồng

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
a- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:	-	-
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu:	-	-
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu:	-	-
b- Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo	-	-
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý:	-	-
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền:	-	-
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý:	-	-
- Phần giá trị tài sản (Tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ:	-	-
c- Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền tồn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện:	-	-



VIII- Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I - Nguồn vốn				
1. Nguồn vốn kinh doanh	357.806,79	48.523,93	209.723,70	196.607,02
2. Cổ phiếu quỹ (*)	25.000,00	-	-	25.000,00
3. Lợi nhuận tích lũy	-	-	-	-
4. Chuyển tích dành giữ tài tài sản	-	-	-	-
5. Chuyển tích lý giải hối hối	-	-	-	-
6. Nguồn vốn khác	-	-	-	-
7. Quỹ dự trữ	5.000,00	-	-	5.000,00
8. Lợi nhuận chưa phân phối (**)	327.806,79	48.523,93	209.723,70	166.607,02
II - Quỹ				
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-
Tổng cộng	357.806,79	48.523,93	209.723,70	196.607,02

1. Thông tin về các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ này
Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Prudential Việt Nam	Công ty mẹ	Phí quản lý danh mục đầu tư, phí quản trị danh mục đầu tư và phí giải pháp đầu tư và phân bổ tài sản, phí báo cáo lưu chuyển vốn	69.539,14
Eastspring Investments (Singapore) Ltd	Công ty liên quan	Chi phí do Công ty trả thay	-
Prudential Corporation Holdings Ltd	Công ty liên quan	Phí quản lý danh mục đầu tư Phí tư vấn đầu tư chứng khoán Phí dịch vụ do Công ty liên quan cung cấp Chi phí do Công ty liên quan trả thay	175,69 4.652,41 -
Eastspring Investments (Services) Pte Ltd	Công ty liên quan	Chi phí do Công ty trả thay	8,27
Prudential Services Singapore Pte Ltd	Công ty liên quan	Phí dịch vụ do Công ty liên quan cung cấp Chi phí do Công ty trả thay	1.126,12 152,52
Quỹ đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam	Công ty liên quan	Chi phí do Công ty trả thay Phí dịch vụ do Công ty liên quan cung cấp Phí quản lý quỹ	595,65 - 1.421,92 720,75

2. Những thông tin khác:

a- Các chỉ tiêu và tình hình minh một số tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh:

Căn cứ Thông tin số 66/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (thoan 4 Điều 14), Công ty chúng tôi xin giải trình về việc lợi nhuận sau thuế Quý 2 năm 2023 tăng hơn 10% so với báo cáo cùng kỳ năm trước như sau:
 Lợi nhuận sau thuế Quý 2 năm 2023 đạt 38,80 tỷ đồng, tăng 1,4%, tức 4,62 tỷ đồng so với lợi nhuận Quý 2 năm 2022, chủ yếu là do doanh thu thanh lý hoạt động kinh doanh Quý 2 năm 2023 tăng 5,70 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 9% so với cùng kỳ năm 2022. Doanh thu tăng chủ yếu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư cho khách hàng chính doanh thời là chủ sở hữu là Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Prudential Việt Nam. Trong Quý 2 năm 2023, tổng giá trị của tài sản trong danh mục quản lý cho Khách hàng này tăng từ 151,53 nghìn tỷ đồng tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022 lên 166,78 nghìn tỷ đồng tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2023 (tăng 10,25 nghìn tỷ đồng, tương đương 10%). Tổng doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư đạt 69,15 tỷ đồng, tăng 5,24 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 8% so với Quý 2 năm 2022. Từ tháng 6 năm 2023, Công ty cung cấp dịch vụ báo cáo hiệu suất chuyên sâu cho Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Prudential Việt Nam nên doanh thu tăng thêm 0,4 tỷ đồng trong Quý 2 năm 2023. Ngoài ra, phí tư vấn đầu tư cho Eastspring Investments (Singapore) Limited tăng 0,15 tỷ đồng, tăng gấp 7 lần so với cùng kỳ năm ngoái.

b- Hoạt động quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư

- Tổng số quỹ đang thực hiện quản lý
- Tổng số vốn của các quỹ đang thực hiện quản lý
- Số lượng quỹ được quản lý danh mục đầu tư
- Tổng số tài sản được quản lý trên cơ sở hợp đồng quản lý danh mục đầu tư
- Phí tích lũy trong năm

T. Trong đó:

- + Phí quản lý danh mục đầu tư và phí dịch vụ giải pháp đầu tư và phân bổ tài sản, báo cáo hiệu suất chuyên sâu
- + Phí quản lý quỹ
- + Phí khác (Phí quản trị danh mục đầu tư và phí tư vấn đầu tư)

197.098,54	trên Đồng
166.777.152,31	trên Đồng
70.435,57	trên Đồng
65.497,62	trên Đồng
720,75	trên Đồng
4.217,21	trên Đồng



c. Một số chỉ tiêu đánh giá hoạt động tình hình hoạt động của doanh nghiệp:

Chỉ tiêu	Quý này năm nay	Quý này năm trước
1. Báo trí cơ cấu tài sản:		
- Tài sản cố định và đầu tư dài hạn/ Tổng tài sản (%)	1.21%	0.05%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	98.79%	99.95%
2. Tỷ suất sinh lợi:		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	55.09%	52.80%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	19.73%	12.66%
3. Trình bày tài chính:		
- Tỷ lệ nợ phải trả/ Tổng tài sản (%)	17.97%	17.05%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn (%)	430.68%	484.90%
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định/ Vốn chủ sở hữu (%)	1.482%	0.08%

d. Phương hướng kinh doanh trong kỳ tới
Tiếp tục quản lý danh mục đầu tư cho các quỹ trong nước và ngoài nước.

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Hoài Thu
Kế toán

Người kiểm soát
(Ký, họ tên)

Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 07 năm 2023



Ngô Thế Triều
Tổng Giám đốc